

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bình Minh được chuyển đổi từ Công ty Xây Dựng và Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0300425814, đăng ký lần đầu ngày 19/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/02/2014.

Chủ sở hữu: Tổng Công Ty Xây Dựng Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là : 88.819.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2016 là : 88.819.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại : 852A Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Xây dựng, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, đá xây dựng).
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (chi tiết: Chế biến lâm sản và sản xuất hàng mộc (không sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ tại trụ sở)).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (chi tiết: Thi công các công trình về cầu, đường bộ, vỉa hè).
- Chuẩn bị mặt bằng (chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Dịch vụ thương mại, tiếp thị).
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: Khảo sát thị trường).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Quản lý dự án, quản lý bất động sản. Thiết kế: mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình. Tư vấn, lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, các công trình hạ tầng kỹ thuật các dự án giao thông).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, xưởng, kho bãi. Cho thuê mặt bằng, gian hàng, ki ốt, văn phòng (chức năng này chỉ thực hiện đối với nhà không thuộc nhà nước chuyển giao).
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập internet).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chi tiết: Khai thác, chế biến đá xây dựng (không khai thác, chế biến tại thành phố Hồ Chí Minh).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (chi tiết: Mua bán: nông sản, thực phẩm chế biến).
- Bán buôn đồ uống (chi tiết: Mua bán rượu, bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước).
- Bán buôn tổng hợp (chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, giày dép, vải sợi, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm (trừ hóa chất độc hại mạnh)).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Mua bán kim khí điện máy, xe máy, phụ tùng ô tô, phụ tùng xe máy).
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Mua bán nhựa, sành sứ, thủy tinh, hàng gia dụng).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (chi tiết: Sản xuất vì kèo, cửa sắt, trang thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở)).

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải bằng ô tô).
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (chi tiết: Lắp đặt vì kèo, cửa sắt, trang thiết bị ngành cơ khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)).
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện lạnh cho công trình).
- Lắp đặt hệ thống điện (chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống điện công trình, hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp).
- Xây dựng công trình công ích (chi tiết: Xây dựng hệ thống cống, bờ kè, hệ thống cấp thoát nước và công trình thủy lợi).

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp Nhà nước.

5. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên :

Ông Phạm Hữu Phước	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Cao Thu	Thành viên
Ông Trương Nam Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc :

Ông Cao Thu	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Trương Nam Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Chúng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết Tâm	Kế toán trưởng

Nghị hưu từ ngày 01/4/2016 theo QĐ số 19/QĐ-HĐTV, ngày 28/12/2015

Ban Kiểm soát :

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên
-----------------------	----------------

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

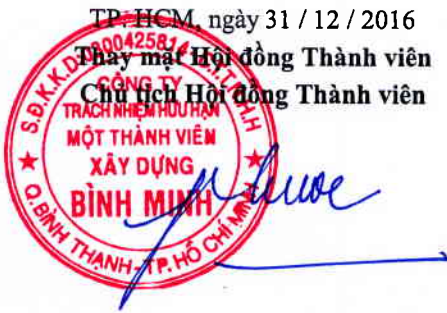
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bình Minh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

TP. HCM, ngày 31 / 12 / 2016

Thay mặt Hội đồng Thành viên
Chủ tịch Hội đồng Thành viên



PHẠM HỮU PHƯỚC

TP. HCM, ngày 31 / 12 / 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CAO THU



Số : 06A / BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bình Minh
- Ban Tổng Giám đốc Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bình Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Minh, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Ban Tổng Giám đốc

ĐỖ KHẮC THANH

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0649-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.781.715.542	126.013.838.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		151.776.621.792	11.462.936.771
1. Tiền	111	1	19.476.621.792	8.366.056.771
2. Các khoản tương đương tiền	112	2	132.300.000.000	3.096.880.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.964.083.819	94.115.527.521
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	10.101.521.350	48.503.599.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	252.202.335	1.089.368.925
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	11.703.468.772	12.316.958.459
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	8.906.891.362	32.205.600.508
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		29.799.811.903	20.187.146.469
1. Hàng tồn kho	141	7	29.799.811.903	20.187.146.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		241.198.028	248.227.859
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	20.807.955	20.908.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	9	220.390.073	227.319.526
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.849.864.035	139.368.149.686
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.013.073.254	8.725.048.696
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	125.942.000	125.942.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	11	1.505.926.182	9.852.850.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	12	(618.794.928)	(1.253.743.804)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
II. Tài sản cố định	220		213.696.707	341.914.715
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	213.696.707	341.914.715
- Nguyên giá	222		2.145.361.036	2.145.361.036
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.931.664.329)	(1.803.446.321)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230	14	35.908.634.864	37.355.479.844
- Nguyên giá	231		47.838.471.097	47.838.471.097
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(11.929.836.233)	(10.482.991.253)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.536.724.283	89.384.618.155
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	70.536.724.283	89.384.618.155
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		43.659.878.964	2.175.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	39.380.166.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	4.425.000.000	2.175.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	18	(145.287.036)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.517.855.963	1.386.088.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	735.771.879	604.004.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	782.084.084	782.084.084
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		365.631.579.577	265.381.988.306



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
C . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		276.812.579.577	201.072.622.576
I. Nợ ngắn hạn	310		185.759.858.451	117.649.286.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	305.072.035	69.639.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	15.395.701.201	21.233.806.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	791.909.847	2.922.564.407
4. Phải trả người lao động	314	24	8.951.859.857	286.199.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	832.317.186	7.656.459.095
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	150.044.456.920	55.970.543.302
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	1.388.304.164	27.290.528.187
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	8.050.237.241	2.219.546.492
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		91.052.721.126	83.423.336.462
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	29	36.464.000.000	33.993.600.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	30	35.975.882.448	34.884.246.084
7. Phải trả dài hạn khác	337	31	1.760.107.893	1.760.107.893
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			300.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	32	16.784.296.245	12.485.382.485
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	33	68.434.540	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Số cuối năm (4)	Số đầu năm (5)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		88.819.000.000	64.309.365.730
I. Vốn chủ sở hữu	410	34	88.819.000.000	64.309.365.730
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.819.000.000	64.309.365.730
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		365.631.579.577	265.381.988.306

Người lập biểu


Nguyễn Thị Nhan

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tuyết Tâm

TP. HCM, ngày 31 / 12 / 2016

Tổng Giám đốc




CAO THU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Chỉ tiêu (1)	Mã số Thuyết minh		Đơn vị tính: VND	
	(2)	(3)	Năm 2016	Năm 2015
			(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	72.633.463.921	106.962.478.133
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		72.633.463.921	106.962.478.133
4. Giá vốn hàng bán	11	2	65.687.528.803	99.894.679.288
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		6.945.935.118	7.067.798.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	129.046.311.747	5.401.063.794
7. Chi phí tài chính	22	4	7.512.794.049	3.864.855.501
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		521.269.173	3.864.855.501
8. Chi phí bán hàng	25	5	245.302.725	683.862.833
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6	22.198.191.237	7.091.888.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26))	30		106.035.958.854	828.256.098
11. Thu nhập khác	31	7	631.588.967	153.888.924
12. Chi phí khác	32	8	205.274.923	36.026.226
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		426.314.044	117.862.698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		106.462.272.898	946.118.796
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	273.738.162	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		106.188.534.736	946.118.796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu


Nguyễn Thị Nhàn

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tuyết Tâm

TP. HCM, ngày 31 / 12 / 2016

Tổng Giám đốc




CAO THU

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD	1			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và DT khác	01		111.921.306.902	152.443.208.561
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa, DV	02		(20.377.301.283)	(6.429.598.544)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.152.331.072)	(7.491.292.757)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(968.263.534)	(25.796.243.593)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(273.738.162)	(220.390.073)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.144.979.079	7.052.226.937
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(77.027.313.172)	(130.584.497.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		18.267.338.758	(11.026.587.408)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(2.688.880.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	5.785.760.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		150.260.129.177	766.196.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		149.360.129.177	3.863.076.504
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	21.380.117.370
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		47.847.494.407	71.134.597.028
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(74.049.718.430)	(78.665.534.234)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.111.558.891)	(996.413.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.313.782.914)	12.852.766.817
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		140.313.685.021	5.689.255.913



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			4	5
1	2	3		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.462.936.771	5.773.680.858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		<u>151.776.621.792</u>	<u>11.462.936.771</u>

TP. HCM, ngày 31 / 12 / 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

nhom

[Signature]



Nguyễn Thị Tuyết Tâm

CAO THU